

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ
CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

Số: 469 /QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

về việc Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo
Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chế đào tạo Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Quyết định 1669/QĐ-ĐHYD ngày 05/09/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên về hướng dẫn Quy chế đào tạo Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển, rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa năm 2023.
- Điều 2.** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên từ năm học 2023-2024.
- Điều 3.** Các Khoa - Bộ môn căn cứ vào Chương trình được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *zm*

- Như điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo, MC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ
CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 469 /QĐ-ĐHYD ngày 28 tháng 3 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: *Chương trình đào tạo Bác sĩ Nội trú Nội khoa*
 - Tên tiếng Anh: *Internal Medicine Residency Program*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học Cao đẳng Việt (lần 1), theo Quyết định số 140/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 21/06/2023 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học Cao đẳng Việt Nam (lần 2).*
5. Trình độ đào tạo: *Bác sĩ Nội trú*
6. Ngành đào tạo: *Nội khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *NT 62 72 20 50*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung.*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú Nội khoa*
 - Tên tiếng Anh: *Resident Doctor in Internal Medicine*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật GD Đại học</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Có kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng để vận dụng hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.	x	x	x
II. Kỹ năng				
PEO 2	Có khả năng thực hiện kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, dự phòng, chuyển tuyến và tư vấn đảm bảo an toàn, hiệu quả, chuyên nghiệp cho người bệnh mắc bệnh nội khoa thông thường và một số bệnh nội khoa phối hợp.	x	x	x
PEO 3	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x
PEO 4	Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải thiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		<i>Chuẩn đầu ra chung</i>	<i>Chuẩn đầu ra chuyên biệt</i>
I. Kiến thức y khoa			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong hoạt động chăm sóc khoẻ và truyền đạt tri thức y khoa.	x	

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức bệnh học nội khoa đảm bảo tính cập nhật và chứng cứ khoa học trong thực hiện khám lâm sàng, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị người bệnh mắc bệnh nội khoa		X
II. Kỹ năng chăm sóc người bệnh và thực hiện thủ thuật			
PLO 3	Thực hiện thành thạo khai thác bệnh sử, tiền sử và khám bệnh đối với người bệnh mắc bệnh nội khoa.	X	
PLO 4	Phân tích thành thạo giá trị của xét nghiệm và thăm dò cận lâm sàng ở người bệnh mắc bệnh nội khoa.		X
PLO 5	Thực hiện thành thạo, an toàn một số thủ thuật nội khoa.		X
PLO 6	Biện luận chẩn đoán chặt chẽ, đầy đủ tính cá thể cho người bệnh mắc bệnh nội khoa.		X
PLO 7	Ra quyết định đúng về kế hoạch điều trị, dự phòng, theo dõi cho người bệnh mắc bệnh nội khoa.		X
III. Tính chuyên nghiệp			
PLO 8	Thể hiện tính liêm chính, trung thực, có trách nhiệm trong quá trình thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.	X	
PLO 9	Thể hiện sự thấu cảm, lòng trắc ẩn trong giao tiếp, thăm khám, chỉ định cận lâm sàng, điều trị, tư vấn người bệnh, thông báo tin xấu phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội của người bệnh.		X
PLO 10	Quản trị tốt thời gian và sức khỏe của bản thân.	X	
IV. Các kỹ năng giao tiếp và hợp tác			
PLO 11	Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp để giải quyết các vấn đề sức khỏe của người bệnh đạt hiệu quả tối ưu.		X
PLO 12	Thực hiện hiệu quả hoạt động tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh và hướng dẫn chuyên môn cho thành viên của nhóm chăm sóc.		X
V. Thực hành dựa trên hệ thống			
PLO 13	Thực hiện đúng các quy định hiện hành của hệ thống y tế và các lĩnh vực liên quan trong khám và chăm sóc sức khỏe người bệnh.		X
VI. Học tập và cải thiện dựa trên thực hành			
PLO 14	Thường xuyên tự phản ánh và cải thiện năng lực	X	

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		<i>Chuẩn đầu ra chung</i>	<i>Chuẩn đầu ra chuyên biệt</i>
	trong thực hành nội khoa.		
PLO 15	Hoàn thành được đề tài luận văn Bác sĩ nội trú và công bố được công trình nghiên cứu khoa học trên tạp chí chuyên ngành.		x

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PEO 1	X	X													
PEO 2	X	X	X	X	X	X	X			X					
PEO 3									X	X	X	X			
PEO 4	X														X
PEO 5								X				X	X	X	

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện dự tuyển

- Tốt nghiệp bác sĩ chính quy ngành Y khoa, xếp loại tốt nghiệp loại khá trở lên, trong thời gian 12 tháng từ ngày được công nhận tốt nghiệp.
- Môn chuyên ngành có điểm tổng kết học phần đạt từ 7,0 trở lên.
- Trong các năm đại học không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ trường hợp dừng học vì lý do sức khỏe).
- Chỉ được dự tuyển 01 lần tại trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Không giới hạn tuổi dự thi.
- Miễn thi tuyển nếu tốt nghiệp đại học loại Xuất sắc khi đủ các tiêu chuẩn khác.

2. Điều kiện trúng tuyển

- Điểm các môn thi đều phải đạt từ 5,0 trở lên, trong đó môn chuyên ngành phải đạt từ 7,0 trở lên (thang điểm 10). Nếu số thí sinh có điểm đạt lớn hơn số chỉ tiêu đào

tạo thì lấy từ cao xuống thấp đến số thứ tự bằng số chỉ tiêu căn cứ vào tổng điểm ba môn thi (không tính điểm môn ngoại ngữ và điểm môn toán; không làm tròn điểm thi).

- Đối tượng ưu tiên được thực hiện theo quy định tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn cơ sở ngành theo Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú của Bộ Y tế và Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

- Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

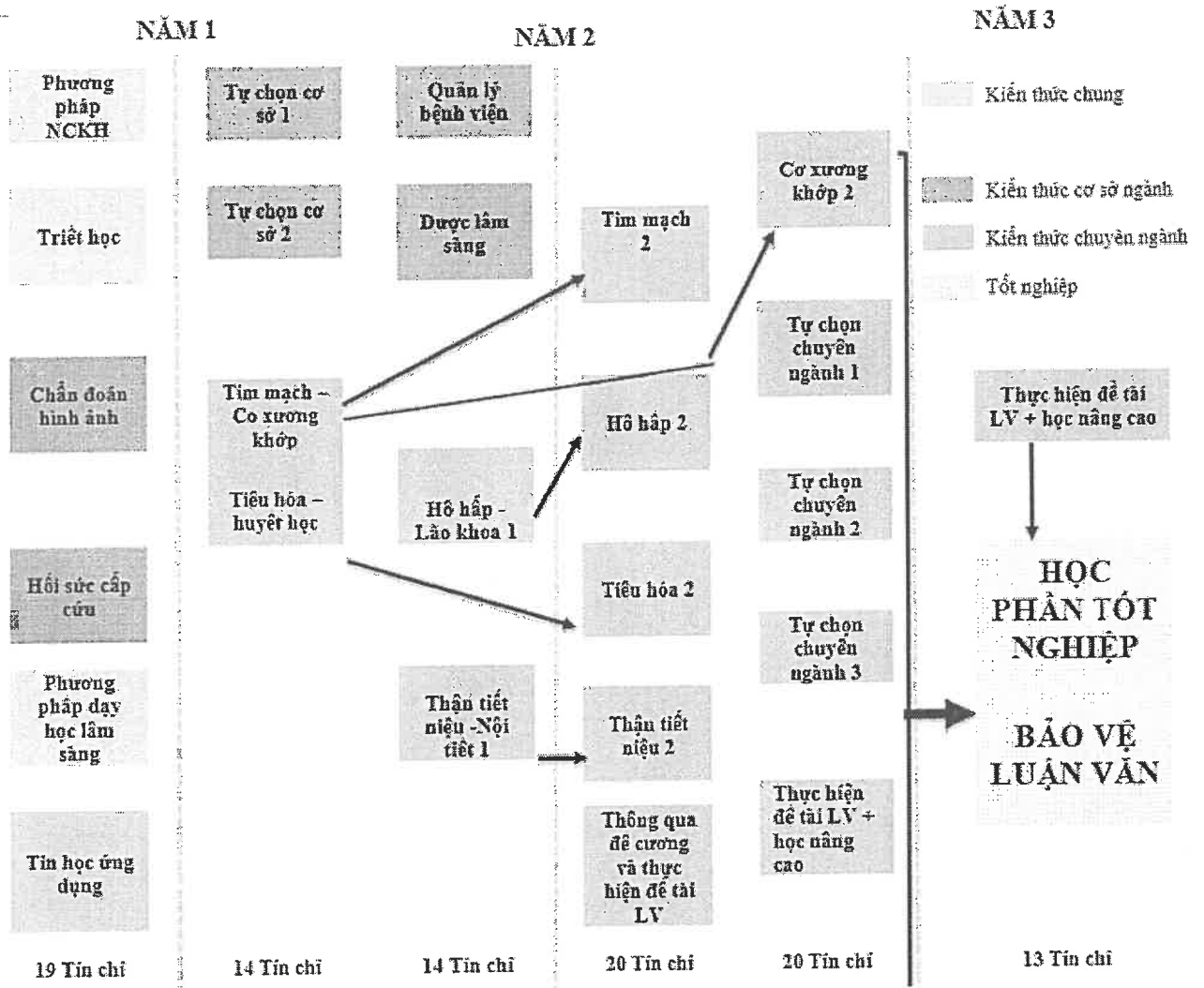
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I Khối kiến thức chung: 4 học phần, 12 tín chỉ (12%)										
1	HCTH2013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1 (2)
2	HCTO2013	Tin học ứng dụng	3 (1/2)	30	30	90				1
3	HCPP2013	Phương pháp dạy học lâm sàng	3 (1/2)	15	60	75				1
4	HCPH2013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
II Khối kiến thức cơ sở ngành: 6 học phần, 15 tín chỉ (15%)										
2.1. Các học phần bắt buộc: 4 học phần, 11 tín chỉ										
5	NKCĐ2213	Chẩn đoán hình ảnh	3 (2/1)	30	30	90				1
6	NKHS2214	Hồi sức cấp cứu	4 (1/3)	15	90	95				1
7	NKDL2212	Dược lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55				3
8	NKQL2212	Quản lý bệnh viện	2 (1/1)	15	30	55				3
2.2 Các học phần tự chọn: chọn 2 trong 3 học phần; 4 tín chỉ (4%)										
9	NKTN2312	Truyền nhiễm	2 (1/1)	15	30	55				2
10	NKDD2312	Dinh dưỡng lâm	2 (1/1)	15	30	55				2

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
		sàng								
11	NKMD2312	Miễn dịch - Sinh lý bệnh	2 (2/0)	30	0	70				2
III	Khối kiến thức chuyên ngành: 12 học phần, 60 tín chỉ (60%)									
3.1	Học phần bắt buộc: 9 học phần, 45 tín chỉ (45%)									
12	NKTM2415	Tim mạch - Cơ xương khớp 1	5 (2/3)	30	90	130				2
13	NKTH2415	Tiêu hoá - Huyết học 1	5 (2/3)	30	90	130				2
14	NKHH2415	Hô hấp - Lão khoa 1	5 (2/3)	30	90	130				3
15	NKTT2415	Thận tiết niệu - Nội tiết 1	5 (2/3)	30	90	130				3
16	NKTM2425	Tim mạch 2	5 (2/3)	30	90	130		NKTM2415		4
17	NKHH2425	Hô hấp 2	5(2/3)	30	90	130		NKHH2415		4
18	NKTH2425	Tiêu hoá 2	5 (2/3)	30	90	130		NKTH2415		4
19	NKTT2425	Thận tiết niệu 2	5 (2/3)	30	90	130		NKTT2415		4
20	NKCX2425	Cơ xương khớp 2	5 (2/3)	30	90	130		NKTM2415		5
3.2	Học phần tự chọn: chọn 3 trong 5 học phần, 15 tín chỉ (15%)									
21	NKNT2515	Nội tiết 2	5 (2/3)	30	90	130		NKTT2415		5
22	NKHH2515	Huyết học 2	5 (2/3)	30	90	130		NKTH2415		5
23	NKTK2515	Thần kinh	5 (2/3)	30	90	130				5
24	NKTT2515	Tâm thần	5 (2/3)	30	90	130				5
25	NKUT2515	Ung thư	5 (2/3)	30	90	130				5
IV	Tốt nghiệp									
26	NKTN2613	Tốt nghiệp	3 (1/2)	15	30	55		Tất cả các HP		6
V	Luận văn									
27	NKLV2810	Luận văn	10		300			HCPH2013		4+5+6

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP/Module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	HCTH2013	M														L
2	HCTO2013	M												M		H
3	HCPP2013	M										M	M			
4	HCPH2013	M														H
5	NKDL2212							M								
6	NKQL2212													M		
7	NKCĐ2213		M		M						L					
8	NKHS2214		H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	H	H	H	
9	NKTN2312						M									
10	NKAT2312			M	M	M	M	M	M					H		
11	NKDD2312							X					X			
12	NKMD2312	H			M		M	M								
13	NKTM2415		H	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L
14	NKTH2415		H	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L
15	NKHH2415		H	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L
16	NKTT2415		H	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	L
17	NKTM2425		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
18	NKHH2425		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
19	NKTH2425		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
20	NKTT2425		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
21	NKCX2425		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
22	NKNT2515		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
23	NKHH2515		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
24	NKTK2515		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
25	NKTT2515		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
26	NKUT2515		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
27	NKTN2613		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	L
28	NKLV2810		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Thuyết trình	x												x		
2	Giao bài tập	x	x		x	x	x	x				x		x		
3	Đóng vai	x		x									x			
4	Có người bệnh			x					x	x	x	x	x	x		
6	Cầm tay chỉ việc					x			x		x					
7	Seminar		x		x		x	x	x		x					
8	Case study		x		x		x	x		x		x		x		
9	Phản hồi kế hoạch tự học tự đánh giá bản thân			x	x				x		x				x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Phương pháp, nội dung đánh giá

Học phần	Điểm thành phần	Phương pháp đánh giá	Trọng số	Điều kiện hoàn thành
Chung	Chuyên cần	Điểm danh giờ học lý thuyết và thái độ học tập. Hoặc: Điểm danh giờ học lý thuyết và Bài tập	10%	Điểm KTHP, TKHP $\geq 6,0$
	Thường xuyên	MCQ hoặc Tự luận hoặc Chỉ tiêu	10%	
	Giữa học phần	MCQ hoặc Bảng kiểm hoặc Bài tập	30%	
	Kết thúc học phần	Chuyên đề hoặc Tự luận hoặc Vấn đáp trên đề cương nghiên cứu hoặc Giảng dạy theo nhóm	50%	
Cơ sở ngành	Chuyên cần	Điểm danh giờ học lý thuyết và thái độ học tập. Hoặc: Điểm danh giờ học lý thuyết và Chỉ tiêu lâm sàng	10%	Điểm KTHP, TKHP $\geq 6,0$

Học phần	Điểm thành phần	Phương pháp đánh giá	Trọng số	Điều kiện hoàn thành
	Thường xuyên	MCQ hoặc Tự luận hoặc Chấm bệnh án	10%	
	Giữa học phần	Thực hành tại phòng Lab hoặc Thủ thuật hoặc Tình huống lâm sàng và Bệnh án	30%	
	Kết thúc học phần	MCQ hoặc Chuyên đề và vấn đáp	50%	
Chuyên ngành	Chuyên cần	Chỉ tiêu lâm sàng	10%	Điểm KTHP, TKHP $\geq 7,0$
	Thường xuyên	MCQ hoặc Báo cáo cá nhân hoặc Tình huống	10%	
	Giữa học phần	Mini-CEX	30%	
	Kết thúc học phần	MCQ	20%	
Thực hiện thủ thuật trên mô hình/bệnh nhân. Bệnh án, Vấn đáp		30%		
Tốt nghiệp	Lý thuyết	MCQ	40%	Điểm KTHP, TKHP $\geq 7,0$
		Vấn đáp	20%	
	Tay nghề	Thủ thuật	40%	
Luận văn		Báo cáo	100%	Điểm luận văn $\geq 7,0$

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Phương pháp lượng giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Trắc nghiệm	x	x													
2	Vấn đáp	x	x				x	x	x					x	x	
3	Mini-CEX			x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		
4	OSCE	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		
5	Lượng giá 360 ^o								x	x	x	x	x	x		
6	Portfolio								x		x	x		x	x	
7	Chấm luận văn								x		x			x		x

3. Điểm học phần

Công thức tính điểm học phần

$$\text{Điểm Học phần} = [(\text{Điểm chuyên cần} * 0,1) + (\text{Điểm KTTX} * 0,1) + (\text{Điểm giữa học phần} * 0,3) + (\text{Điểm KTHP} * 0,5)]$$

Điểm thành phần và điểm học phần chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế (2022)	Trường ĐHYD Hải Phòng (2021)	Trường ĐHYD Thành phố HCM (2019)	ĐH Y Dược, ĐH Thái Nguyên (2024)	
	Đơn vị học trình	Đơn vị học trình	Đơn vị học trình	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	25	5	22	12	12
Kiến thức cơ sở, hỗ trợ ngành	21	7	23	15	15
Kiến thức chuyên ngành	63	69	77	60	60
Tự chọn		15		19	19
Tốt nghiệp		10		3	3,0
Luận văn	25	9		10	10
Tổng	150	100	150	100	100

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Điều chỉnh một số nội dung của Học phần Quản lý bệnh viện	Đã điều chỉnh bao gồm nội dung An toàn người bệnh
	Nên cho học viên đi các vòng luân khoa nhiều lần để đánh giá sự tiến bộ, thực tập tại chuyên khoa, cơ sở tự chọn.	Đã thiết kế các học phần chuyên ngành học 2 vòng (cơ bản và nâng cao)
	Mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của CTĐT BSNT Nội nên thiết kế theo dạng đổi mới theo 6 lĩnh vực năng lực y khoa cơ bản	Đã bổ sung đầy đủ theo 6 lĩnh vực năng lực
	Học viên nên được đi lâm sàng ngay từ đầu, các môn cơ sở có thể giảng vào buổi chiều	Đã xây dựng tiến trình dạy học đảm bảo học viên được đi học lâm sàng ngay từ đầu

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
	BSNT cần thiết đi học Hồi sức trong thời gian 3 tháng theo thông tư 32/BYT	Đã xây dựng lịch học học phần Hồi sức cấp cứu đủ 3 tháng liên tục
Cựu sinh viên	Mong muốn được đi học lâm sàng sớm	Đã xây dựng lịch cho học viên học lâm sàng ngay từ đầu
	Cần được tăng cường sự hỗ trợ, tạo điều kiện của bệnh viện thực hành	Nhà trường sẽ phối hợp với bệnh viện thực hành để tháo gỡ vướng mắc
Nhà tuyển dụng	Chương trình cần chú trọng nhiều hơn đến các kỹ năng lâm sàng, tay nghề, thủ thuật	Đã thiết kế các học phần chuyên ngành có tỷ trọng (số tín chỉ, trọng số lượng giá) dành cho thực hành cao hơn lý thuyết. Bổ sung danh mục thủ thuật theo góp ý của nhà tuyển dụng
Giảng viên	Bất cập trong tổ chức cho nhóm đông học viên đi học ở cùng 1 khoa	Đã đề xuất chia nhỏ nhóm đi học lý thuyết và lâm sàng song hành
Học viên	Mong muốn được đi học lâm sàng sớm	Đã xây dựng lịch cho học viên học lâm sàng ngay từ đầu
	Cần tổ chức học và thi lý thuyết và thực hành song hành	Đã đề xuất tổ chức học lý thuyết và thực hành song hành theo nhóm nhỏ
	Mong muốn được tham gia các khóa học nâng cao tại các bệnh viện đầu ngành	Đã thiết kế chương trình có thời gian để học viên có thể đi học nâng cao

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

1. Học phần Triết học thuộc khối kiến thức chung, được dạy- học ở học kì I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức sâu rộng của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các phương pháp luận cơ bản của Triết học. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra (CDR) số 1 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức chung, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức cần thiết để có thể vận dụng vào việc viết và thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nội dung bài giảng, công cụ lượng giá và lượng giá người học. Phương pháp dạy - kết hợp thuyết trình thảo luận và đóng vai. Các phương pháp lượng giá người học là chấm bài tập cá

nhân, bài tập nhóm, đóng vai. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1 và 12 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

3. Học phần tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin để học tập, nghiên cứu khoa học và báo cáo thuyết trình. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chấm chuyên đề. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2, 13 mức độ vừa và CĐR 15 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

4. Học phần Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức chung, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học năng lực cần thiết để thực hiện việc nghiên cứu khoa học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, bài tập cá nhân, chấm tiểu luận. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1, 15 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

5. Học phần Dược lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này giúp người học củng cố, nâng cao kiến thức về dược lâm sàng, vấn đề sử dụng thuốc và an toàn khi sử dụng thuốc trong thực hành lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và giảng dạy dựa các bệnh án, đơn thuốc của người bệnh, Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp chấm tình huống, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần Dược lâm sàng đóng góp vào CĐR số 7 ở mức độ vừa của chương trình đào tạo

6. Học phần Quản lý bệnh viện (có bao gồm nội dung An toàn người bệnh) thuộc khối kiến thức cơ sở , hỗ trợ bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học năng lực hành nghề phù hợp một số văn bản của hệ thống y tế liên quan trực tiếp tới chăm sóc sức khỏe người bệnh, bên cạnh đó giúp người học hình thành năng lực thực hành dựa trên tính an toàn đối với người bệnh, đảm bảo đúng các văn bản hướng dẫn của cơ sở y tế. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm bài tập tình huống, chấm chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra 13 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

7. Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao năng lực cho người học trong việc vai trò của chẩn đoán hình ảnh và ứng dụng của chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm dựa thăm dò hình ảnh Xquang của người bệnh mắc bệnh lý nội khoa. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp chấm chạy trạm dựa theo bảng kiểm. Học phần chẩn đoán hình ảnh đóng góp vào CĐR số 2, 4 ở mức độ vừa, số 10 ở mức độ thấp của CTĐT.

8. Học phần Hồi sức Cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này giúp người học nâng cao năng lực chẩn đoán, xử trí các cấp cứu nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên tình huống và cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học bao gồm MiniCex, Chấm thực hiện thủ thuật dựa bảng kiểm, vấn

đáp trên bệnh án, trắc nghiệm. Học phần Hồi sức cấp cứu đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,8,9,11,12, 13,14 ở mức độ cao, số 10 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

9. Học phần Truyền nhiễm thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao năng lực cho người học trong việc chẩn đoán các bệnh lý truyền nhiễm. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp minicex, vấn đáp trên bệnh án, chấm chuyên đề. Học phần truyền nhiễm đóng góp CĐR số 6 ở mức độ vừa của chương trình đào tạo.

10. Học phần dinh dưỡng lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ cung cấp cho người học năng lực tư vấn dinh dưỡng cho người bệnh có bệnh nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp chấm bài tập tình huống, chấm chuyên đề. Học phần này đóng góp CĐR số 7, 12 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

11. Học phần miễn dịch sinh lý bệnh thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao ứng dụng kiến thức miễn dịch sinh lý bệnh để lập luận và ra các quyết định trong thực hành lâm sàng như chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tư vấn dự phòng cho người bệnh có bệnh nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp chấm bài tập tình huống, chấm chuyên đề. Học phần này đóng góp CĐR số 1 mức độ cao, số 4,6, 7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

12. Học phần tim mạch -cơ xương khớp 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học hoàn thiện năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý tim mạch và cơ xương khớp thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên băng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2 mức độ cao và số 3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ trung bình chương trình đào tạo.

13. Học phần tiêu hoá _ huyết học 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học hoàn thiện năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý tiêu hoá và huyết học thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên băng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2 mức độ cao và số 3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ trung bình chương trình đào tạo.

14. Học phần Hô hấp – Lão khoa 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học hoàn thiện năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý hô hấp và lão khoa thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2 mức độ cao và số 3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ trung bình chương trình đào tạo.

15. Học phần Tiết niệu- Nội tiết 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học hoàn thiện năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý tiết niệu và nội tiết thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2 mức độ cao và số 3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ trung bình chương trình đào tạo.

16. Học phần Tim mạch 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý tim mạch thường gặp, bệnh lý tim mạch phối hợp và bệnh tim mạch có biến chứng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

17. Học phần Hô hấp 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý hô hấp thường gặp, bệnh lý hô hấp phối hợp và có biến chứng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

18. Học phần tiêu hoá 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý tiêu hoá thường gặp, bệnh lý tiêu hoá phối hợp và có biến chứng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận

nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

19. Học phần tiết niệu 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý tiết niệu thường gặp, bệnh lý tiết niệu phối hợp và có biến chứng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

20. Học phần cơ xương khớp 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý cơ xương khớp thường gặp, bệnh lý cơ xương khớp phối hợp và có biến chứng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

21. Học phần nội tiết 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý nội tiết thường gặp, bệnh lý nội tiết phối hợp và có biến chứng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

22. Học phần huyết học 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý huyết học thường gặp, bệnh lý huyết học phối hợp và có biến chứng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong

quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

23. Học phần thần kinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý thần kinh thường gặp, bệnh lý thần kinh phối hợp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

24. Học phần tâm thần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý tâm thần thường gặp, bệnh lý tiết niệu phối hợp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

25. Học phần ung thư thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp đối với người bệnh mắc bệnh lý ung thư thường gặp, bệnh lý ung thư phối hợp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, thông qua hoạt động seminar, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, minicex, vấn đáp trực tiếp trên bệnh án, quan sát trực tiếp và vấn đáp trong quá trình thực hiện thủ thuật dựa trên bảng kiểm. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

26. Học phần tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có năng lực rà soát cải thiện điểm yếu của bản thân sau khi tự nhận và nhận phản hồi. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, dạy học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, dạy học thông qua phản hồi thường xuyên dựa trên tự đánh giá bản thân. Các phương pháp đánh giá người học là sử dụng phương pháp chạy trạm với đủ các trạm và công cụ lượng giá phù hợp chuẩn đầu ra. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14 mức độ cao của chương trình đào tạo.

27. Học phần làm luận văn bác sĩ nội trú thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, do tối thiểu 1 giảng viên hướng dẫn 1 học viên và thực hiện trong học kỳ 5 và 6 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực thực hành nghề

nghiệp thuộc lĩnh vực đề tài, năng lực tự học tự nghiên cứu tài liệu, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; năng lực học tập dựa trên thực hành và thực hành dựa trên hệ thống, năng lực ngoại ngữ, năng lực nghiên cứu khoa học. Các phương pháp quản lý quá trình làm luận văn thông qua hoạt động bảo vệ đề cương, kiểm tra tiến độ, kiểm tra số liệu, tài liệu tham khảo, chấm luận văn tại buổi bảo vệ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14, 15 mức độ cao của chương trình đào tạo.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có hơn 50 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó Bộ môn Nội có hơn 20 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, có 6 PGS - TS, 3 Tiến sĩ - GVC, 7 Thạc sĩ và các Bác sĩ có trình độ CKII, Ths, CKI, Tiến sĩ công tác tại các bệnh viện thực hành là giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm của trường ĐHYD Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Các học phần chuyên ngành và quá trình thu thập số liệu cho đề tài luận văn được sử dụng cơ sở vật chất của các bệnh viện thực hành của nhà trường: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện trường ĐHYD, Bệnh viện Bạch Mai và nhiều bệnh viện tỉnh đã được ký hợp đồng đào tạo

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 2006

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát	Trưởng khoa/ Bộ môn
1	Chỉnh sửa bản mô tả CTĐT theo mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 9/4/2021. Chỉnh sửa lại mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, nội dung dạy học chuyên ngành, bổ sung các học phần tự chọn, chuyển đổi chương trình đào tạo từ niên chế sang tín chỉ	02/2022		
3	Rà soát, Điều chỉnh các nội dung:	2/2024		
	3.1. Sắp xếp Chuẩn đầu ra theo 6 miền năng lực của BSNT, gồm 15 chuẩn đầu ra			
	3.2. Khung chương trình: - Tổng số tín chỉ giảm còn 100 tín chỉ; điều chỉnh học phần cơ sở hỗ trợ: đưa học phần quản lý bệnh viện vào học phần bắt buộc - Học phần truyền nhiễm thay đổi thành			

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát	Trưởng khoa/ Bộ môn
	<p>học phần cơ sở hỗ trợ tự chọn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thêm học phần tự chọn an toàn người bệnh, dinh dưỡng lâm sàng. - Tổ chức giảng dạy các học phần chuyên ngành gồm 2 vòng: vòng cơ bản là các học phần ghép: Tim mạch – Cơ xương khớp; Hô hấp - Lão khoa; Tiêu hoá - Huyết học; Tiết niệu - Nội tiết; vòng 2 là các học phần riêng rẽ được yêu cầu ở mức độ năng lực cao hơn; - Bổ sung các điều kiện tiên quyết trong quá trình dạy học - Tăng số tín chỉ cho học phần luận văn tốt nghiệp. 			
	<p>3.3. Lượng giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các học phần chuyên ngành: đa dạng phương pháp lượng giá, bổ sung phương pháp trắc nghiệm; MiniCex; 360⁰, OSCE; Portfolio. - Tổ chức lượng giá: <p>Thêm kỳ thi kết thúc mỗi vòng chuyên ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu điểm: Bổ sung các phương pháp lượng giá như Mini-CEX; lượng giá 360⁰, OSCE; Portfolio 			



XVI. Thành phần phê duyệt

Hiệu trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch Hội đồng
Khoa/Bộ môn**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Tổ trưởng Tổ xây dựng/
rà soát**
(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

(Handwritten signatures of the Dean, Faculty Council Chairman, and Assessment Group Head)

PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu

PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu